

Bản án số: 78/2024/DS-PT
Ngày: 23/01/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 86A/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4313/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; (có mặt)

2.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 24/4/2014 bà M và ông T có mượn bà số tiền là 19.000.000 đồng, hẹn đến ngày 24/02/2015 sẽ trả lại (cho mượn không lấy lãi) nhưng đến nay bà M và ông T không trả. Ngoài ra bà M có chơi 01 phần hụi do bà mở, tính đến nay còn nợ bà số tiền là 5.000.000 đồng, như vậy tổng số tiền vay và hụi bị đơn còn nợ bà là 24.000.000 đồng nhưng bà xin rút yêu cầu đối với phần nợ hụi chỉ yêu cầu bà M, ông T và ông T1 phải liên đới hoàn trả cho bà số tiền vay là 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày như sau:

Bà có tham gia chơi hụi và có vay tiền của bà B nhưng năm 2016 bà B kiện bà và đã Tòa án đã giải quyết xong, do đó hiện nay bà không còn nợ bà B bất kỳ số tiền nào. Giấy nợ đề ngày 24/9/2014 đúng là chữ ký và chữ viết của bà nhưng năm 2016 Tòa án đã giải quyết xong. Bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà B vì không còn nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày như sau: Ông không biết khoản nợ này nên không đồng ý theo yêu cầu của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến là ông hoàn toàn không biết khoản nợ này nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà B.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 86A/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T số tiền hụi là 5.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 19.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị M giữ nguyên quan điểm kháng cáo là yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 86A/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M trong thời hạn qui định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Bà B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn T (con trai bà M) cùng ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền là 19.000.000 đồng theo biên nhận ngày 24/9/2014. Bà M thừa nhận có viết giấy ghi nợ đề ngày 24/9/2014 và có nhận số tiền 19.000.000 đồng của bà B, chữ viết và chữ ký trong biên nhận là của bà M, nhưng số tiền này đã được Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày B1 giải quyết xong vào năm 2016 nên nay bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, theo hồ sơ khởi kiện vào năm 2016 giữa bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị M do Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết không có giấy nợ ngày 24/9/2014 với số tiền là 19.000.000 đồng, đồng thời tại đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự không có nội dung thể hiện có liên quan đến số tiền 19.000.000 đồng theo biên nhận ngày 24/9/2014 nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để xem xét. Do đó, có cơ sở xác định số nợ bà M còn nợ bà B là 19.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà B 19.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn T thì các bên đương sự không kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Bà Nguyễn Thị M kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo bà.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 86A/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, cụ thể tuyên:

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T số tiền hui là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

2- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu là 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí nên được miễn tạm ứng án phí.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005447 ngày 25/10/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Minh Đạt